TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2025/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 28 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 225/2025/VHNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

+ Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Huỳnh Thanh P, bà Trịnh Thị N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 075, quyển số 01 ngày 08/10/2012.

[2]. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2025, ông P, bà N đã thống nhất thỏa thuận những nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Huỳnh Thanh P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Trịnh Ngọc C, sinh ngày 01/12/2002 đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Huỳnh Thị Ngọc N1, sinh ngày 20/11/2012 cho bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng), kể từ ngày 28/5/2025 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông P, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông P, bà N đã nộp các theo biên lai thu số 0025458, 0025459 cùng ngày 20/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông P, bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Huỳnh Thanh P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Trịnh Ngọc C, sinh ngày 01/12/2002 đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Huỳnh Thị Ngọc N1, sinh ngày 20/11/2012 cho bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng), kể từ ngày 28/5/2025 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông P, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông P, bà N đã nộp các theo biên lai thu số 0025458, 0025459 cùng ngày 20/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông P, bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự thuyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01 ngày 08/10/2012;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Quyết Tâm